

ĐIỀU KHOẢN CHUNG
VỀ VIỆC CUNG CẤP VÀ SỬ DỤNG DỊCH VỤ ĐIỆN TỬ
GENERAL TERMS
ON THE PROVISION AND USE OF ELECTRONIC SERVICES
PHẦN 1. CÁC ĐIỀU KHOẢN CHUNG
PART 1. GENERAL TERMS

ĐIỀU 1. ĐỊNH NGHĨA VÀ GIẢI THÍCH THUẬT NGỮ

ARTICLE 1. DEFINITIONS AND EXPLANATIONS OF TERMS

- 1.1 “**Dịch vụ**”, “**Dịch vụ điện tử FPT**” hoặc “**Dịch vụ điện tử**”: là các dịch vụ phần mềm (bao gồm việc cung cấp quyền truy cập và sử dụng Phần mềm cùng các dịch vụ đi kèm Phần mềm) và/hoặc các dịch vụ khác được FPT cung cấp cho Khách hàng theo Hợp đồng này.
“**Service**”, “**FPT Electronic service**” or “**Electronic service**”: means software services (including rights to access and use the Software and service packages accompanying the Software) and other services provided by FPT to the Customer under this Contract.
- 1.2 “**Tài khoản truy cập**”: là tài khoản truy cập và sử dụng Phần mềm mà FPT cung cấp cho Khách hàng theo Hợp đồng này.
“**Service Account**”: means an account to access and use the Software that FPT provides to the Customer under this Contract.
- 1.3 “**Hóa đơn điện tử**”: là tập hợp các thông điệp dữ liệu điện tử về cung ứng dịch vụ, bán hàng hóa, được khởi tạo, lập, gửi, nhận, lưu trữ và quản lý bằng điện tử. Hóa đơn điện tử phải đảm bảo nguyên tắc xác định được số hóa đơn một cách liên tục và theo trình tự thời gian, mỗi số hóa đơn đảm bảo nguyên tắc lập và sử dụng một lần duy nhất.
“**Electronic invoice**”: means a collection of electronic data messages about service provision and sale of goods, which are created, made, sent, received, stored and managed electronically. E-invoices must ensure the principle of identifying invoice numbers continuously and in chronological order, each invoice number must ensure the principle of being made and used only once.
- 1.4 “**Hợp đồng điện tử**”: là hợp đồng được thiết lập dưới dạng thông điệp dữ liệu (thông tin được tạo ra, được gửi, được nhận, được lưu trữ bằng phương tiện điện tử).
“**Electronic contract**”: means a contract established in the form of a data message (which mean information generated, sent, received or stored by electronic means).
- 1.5 “**Hợp đồng**”: là văn bản Hợp đồng Cung cấp và bàn giao Dịch vụ điện tử FPT này, cùng với Điều khoản chung về việc cung cấp và sử dụng Dịch vụ điện tử, và các phụ lục, phụ đính (nếu có) liên quan đến nội dung của Hợp đồng.
“**Contract**”: means the written Contract for the Provision and delivery of FPT Electronic service, together with the General Terms on the Provision and use of electronic services, and its appendices (if any) relating to the contents of the Contract.
- 1.6 “**Phần mềm**”: tùy theo lựa chọn của Khách hàng tại mục I của Hợp đồng Cung cấp và bàn giao Dịch vụ điện tử FPT, có thể bao gồm một, một số, hoặc tất cả, tùy vào ngữ cảnh mà thuật ngữ được sử dụng: (i) Phần mềm Hợp đồng điện tử FPT.eContract; và/hoặc (ii) Phần mềm Hóa đơn điện tử FPT.eInvoice; và/hoặc (iii) Phần mềm quản lý thuế thu nhập cá nhân điện tử FPT.ePIT, và/hoặc (iv) Phần mềm Chứng thực hợp đồng điện tử FPT.CeCA.
“**Software**”: subject to the Customer's choice in Section I of the Contract for the Provision and delivery of FPT Electronic services, including (i) FPT.eContract Electronic Contract Software; and/or (ii) FPT.eInvoice Electronic Invoice Software; (iii) and/or FPT.ePIT Electronic Personal Income Tax Management Software; (iv) FPT.CeCA Certified e-Contract Authority Software.
- 1.7 “**Quyền sở hữu trí tuệ**”: là bất kỳ và tất cả các quyền tác giả (bao gồm quyền nhân thân và quyền tài sản), thương hiệu, sáng chế và các quyền sở hữu trí tuệ khác, các danh hiệu và lợi ích toàn cầu khác, dù là vĩnh viễn, tạm thời hoặc trong tương lai, bao gồm nhưng không hạn chế đối với các quyền về kinh tế và các độc quyền sao chép, ấn định, phỏng theo, chỉnh sửa, dịch thuật, phát triển các sản phẩm phái sinh, trích dẫn hoặc tái sử dụng các dữ liệu, sản xuất, đưa vào lưu thông, xuất bản, phân phối, bán, cấp phép, giấy phép phụ, chuyển nhượng, cho thuê, thuê mua, chuyển giao hoặc cung cấp truy cập điện tử, phát thanh, trưng bày, đưa vào bộ nhớ máy tính, hoặc sử dụng bất kỳ phần nào hoặc bản sao, toàn bộ hay từng phần, dưới bất kỳ hình thức nào, trực tiếp hay gián tiếp hoặc ủy quyền hay sang nhượng cho bên nào khác quyền làm như vậy.
“**Intellectual Property Rights**”: means any and all copyrights (including moral and economic rights), trademarks, patents and other intellectual property rights, titles and interests worldwide, whether permanently, temporarily or in the future, including but not limited to economic rights and exclusive rights to copy, fix, adapt, modify, translate, develop derivative works, citation or reuse of data, manufacture, put into circulation, publish, distribute, sell, license, sublicense, assign, lease, hire-purchase, transfer or provide electronic access, broadcast, display, put in computer memory, or use any part or copy, in whole or in part, in any way, directly or indirectly or authorize or assign another party the right to do so.
- 1.8 “**Dữ liệu cá nhân**” là dữ liệu số hoặc thông tin dưới dạng khác xác định hoặc giúp xác định một con người cụ thể. Dữ liệu cá nhân bao gồm dữ liệu cá nhân cơ bản và dữ liệu cá nhân nhạy cảm.
“**Personal data**” refers to digital data or information in other forms that identifies or assists the identification of a specific individual. The Personal data includes general Personal data and sensitive Personal data.
- 1.9 “**Chủ thể dữ liệu cá nhân**”: là người được Dữ liệu cá nhân phản ánh.
“**Personal Data subject**” refers to an individual to whom the Personal data relates.
- 1.10 “**Xử lý Dữ liệu cá nhân**” là hoạt động tác động đến dữ liệu cá nhân, bao gồm một hoặc nhiều hoạt động như sau: thu thập, phân tích, tổng hợp, mã hóa, giải mã, chỉnh sửa, xóa, hủy, khử nhận dạng, cung cấp, công khai, chuyển giao dữ liệu cá nhân và hoạt động khác tác động đến dữ liệu cá nhân.
“**Personal data processing**” refers to activities impacting the Personal data, including one or more of the following: collection, analysis, summary, encryption, decryption, modification, deletion, destruction, de-identification, provision, disclosure, transfer of the Personal data, and other activities impacting the Personal data.

ĐIỀU 2. QUYỀN VÀ TRÁCH NHIỆM CHUNG CỦA CÁC BÊN

ARTICLE 2. RIGHTS AND OBLIGATIONS

- 2.1 Bên sử dụng Dịch vụ (Khách hàng):
The Service user (Customer):
- 2.1.1 Đọc, hiểu, tuân thủ các thủ tục đăng ký, trình tự giao dịch và các quy định, hướng dẫn sử dụng và Điều khoản chung về việc cung cấp và sử dụng sử dụng Dịch vụ điện tử này.
Read, understand and comply with the registration procedures, transaction order and regulations, instructions for use and this General Terms on the provision and use of the Electronic service before using the Service.
- 2.1.2 Bằng việc ký kết Hợp đồng, Khách hàng xác nhận đã đọc, hiểu và đồng thuận với Chính sách bảo mật dữ liệu cá nhân đăng tải tại website <https://www.fpt-is.com> của FPT và có thể được điều chỉnh theo quyết định của FPT tại từng thời điểm.
By signing the Contract, the Customer confirms to have read, understood and agreed to the Personal Data Privacy Policy which is posted on FPT's website at <https://www.fpt-is.com> and can be adjusted according to the decision of FPT at any time.
- 2.1.3 Được sử dụng toàn bộ các chức năng có sẵn trên phần mềm, dịch vụ đã đăng ký với FPT. Số lượng hóa đơn/chứng từ/tài liệu còn lại chưa sử dụng hết trong năm được chuyển sang năm tiếp theo khi vẫn tiếp tục sử dụng dịch vụ/phần mềm của FPT.
Use all the functions available on the software and services registered with FPT. The remaining number of invoices/documents/dossiers that have not been used up in the year will be carried over to the next year while continuing to use the services/software of FPT.

- 2.1.4 Quản lý, khai thác và sử dụng Phần mềm, Dịch vụ theo đúng quy định và hướng dẫn của FPT, tuân thủ quy định của pháp luật.
Manage, exploit and use the Software and Services in accordance with the regulations and instructions of FPT, comply with the provisions of the law.
- 2.1.5 Có quyền yêu cầu FPT tạm dừng hoặc chấm dứt Dịch vụ. Trong trường hợp này, số tiền cước Dịch vụ đã thanh toán sẽ được sử dụng để bù đắp các khoản thiệt hại của FPT và sẽ không hoàn trả lại Khách hàng trừ khi FPT vi phạm Hợp đồng. Khoản hoàn trả (nếu có) sẽ bằng tổng các khoản phí tương ứng với phần Dịch vụ chưa được Khách hàng tạo trên hệ thống của FPT.
Have the right to request FPT to suspend or terminate the Service. In this case, the paid Service charges will be spent to compensate for the damages of FPT and will not be refunded to the Customer unless FPT breaches the Contract. The refund (if any) will be equal to the total fees corresponding to the part of the Service that has not been created by the Customer on FPT's system.
- 2.1.6 Có trách nhiệm cung cấp các thông tin, tài liệu phù hợp cho việc sử dụng Dịch vụ một cách trung thực, chính xác cho FPT. Trong quá trình sử dụng Dịch vụ, nếu Khách hàng thay đổi các thông tin, tài liệu phục vụ cho việc sử dụng Dịch vụ, Khách hàng có trách nhiệm cung cấp kịp thời cho FPT các thông tin và/hoặc tài liệu liên quan tới thay đổi đó. Khách hàng đảm bảo về tính hợp pháp của các tài liệu, thông tin nêu trên và tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về thiệt hại xảy ra nếu vi phạm quy định này.
Provide to FPT information and documents suitable for the honest and accurate use of the Service. In the process of using the Service, if the Customer changes the information and documents as mentioned above, the Customer is responsible for promptly providing FPT with information and/or documents related to such change. The Customer guarantees the legitimacy of the above documents and information and is responsible before the law for any damage caused if it violates this regulation.
- 2.1.7 Cam kết tuân thủ các chính sách sử dụng Phần mềm và Dịch vụ/ khóa bí mật của FPT (sẽ được cập nhật tại từng thời điểm và được thông báo cho Khách hàng) và vì mục đích đảm bảo chất lượng dịch vụ và an toàn thông tin của Khách hàng.
Commitment to comply with FPT's policies on using Software and Services/ private key (which will be updated from time to time and notified to the Customer) and for the purpose of ensuring service quality and Customer's information security.
- 2.2 Bên cung cấp Dịch vụ (FPT)
The Services Provider (FPT)
- 2.2.1 FPT đảm bảo cung cấp Phần mềm, Dịch vụ với chất lượng và dịch vụ theo quy chuẩn kỹ thuật và đầy đủ các tính năng như đã cam kết, đáp ứng các điều kiện an toàn theo quy định pháp luật.
FPT ensures to provide Software and Services with quality and service according to technical regulations and full features as committed, meeting safety conditions as prescribed by law.
- 2.2.2 Miễn phí toàn bộ chi phí lưu trữ (hóa đơn, hồ sơ) và chi phí hạ tầng liên quan.
Free of charge for all costs of storing invoices and documents, together with the related infrastructure costs.
- 2.2.3 Hỗ trợ giải đáp thắc mắc, hỗ trợ kỹ thuật và khắc phục sự cố liên quan đến hệ thống khi nhận được yêu cầu của Khách hàng.
Support to answer questions, provide technical support and troubleshoot system-related problems when receiving requests from the Customer.
- 2.2.4 Có trách nhiệm bảo mật những thông tin liên quan đến Khách hàng và chỉ sử dụng những thông tin này vào mục đích liên quan đến Dịch vụ, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc theo quy định của pháp luật.
Be responsible for keeping the information related to the Customer confidential and only using this information for the purposes related to the Service, unless otherwise agreed or prescribed by law.
- 2.2.5 Yêu cầu Khách hàng cung cấp hồ sơ cần thiết liên quan đến việc cung cấp dịch vụ. Kiểm tra, giám sát việc sử dụng dịch vụ của Khách hàng theo quy định của pháp luật.
Request the Customer to provide necessary documents related to service provision. Inspect and supervise the use of services of Customer in accordance with the law.
- 2.2.6 Cung cấp thông tin, tài liệu, trích xuất dữ liệu có liên quan đến Khách hàng, dịch vụ Khách hàng sử dụng theo yêu cầu hợp pháp của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
Provide information, documents, extract data related to the Customer, services which Customer uses, at the lawful request of competent state agencies.
- 2.2.7 Không chịu trách nhiệm về các thông tin, nội dung và mục đích của Khách hàng thông qua việc sử dụng dịch vụ của FPT.
FPT is not responsible for the information, content and purposes of the Customer through the use of FPT's services.

ĐIỀU 3. CAM KẾT BẢO MẬT THÔNG TIN – BẢO VỆ DỮ LIỆU CÁ NHÂN

ARTICLE 3. COMMITMENT OF INFORMATION SECURITY – PERSONAL DATA PROTECTION

- 3.1 Trong phạm vi của Hợp đồng này, “**Thông tin bảo mật**” có nghĩa là mọi thông tin về kỹ thuật và kinh doanh được thể hiện dưới bất kỳ hình thức nào (văn bản, lời nói, hình ảnh hoặc điện tử), dù được đánh dấu là bí mật hoặc độc quyền hay không mà một Bên (“**Bên Cung Cấp**”) có thể cung cấp trực tiếp hoặc gián tiếp cho Bên còn lại (“**Bên Tiếp Nhận**”) trước hoặc trong quá trình thực hiện hoặc sau khi chấm dứt Hợp đồng, bao gồm nhưng không giới hạn ở: (i) thông tin gắn liền với sự tồn tại và nội dung của Hợp đồng này, các trao đổi liên quan đến Hợp đồng; (ii) các thông tin liên quan đến tài chính, tiếp thị, mua bán, kỹ thuật, vận hành, thương mại, thông tin nguồn nhân lực, bí mật kinh doanh, kế hoạch kinh doanh, các thỏa thuận tài chính hoặc hợp đồng, dự báo, chiến lược, mô hình, thông tin sản phẩm, quy trình, công thức, thiết kế, thông số, bản vẽ, hướng dẫn và chỉ dẫn; (iii) thông tin liên quan đến Khách hàng và đối tác; (iv) phần mềm có bản quyền, mã nguồn, biểu đồ, quy trình, thông số kỹ thuật và cấu hình; (v) các thông tin, dữ liệu, tài liệu khác.
For the purposes of this Contract, “Confidential Information” means any technical and business information expressed in any form (written, oral, visual or electronic), whether marked as confidential or proprietary that one Party (“Supplier”) may provide directly or indirectly to the other Party (“Recipient”) before or during the performance or after upon termination of the Contract, including but not limited to: (i) information relating to the existence and content of this Contract, communications relating to the Contract; (ii) information relating to financial, marketing, purchasing, technical, operational, commercial, human resource information, trade secrets, business plans, financial or contractual arrangements; contracts, forecasts, strategies, models, product information, processes, formulas, designs, parameters, drawings, instructions and indications; (iii) information related to the Customer and its partners; (iv) Licensed software, source code, diagrams, procedures, specifications and configurations; (v) other information, data, documents.
- 3.2 Nghĩa vụ bảo mật của một Bên quy định tại Điều này sẽ không áp dụng đối với thông tin: (i) được biết đến hoặc được tiết lộ cho Bên Tiếp Nhận trước ngày hiệu lực của Hợp đồng này; (ii) đã hoặc đang trở thành công khai không do hành vi vi phạm của Bên Tiếp Nhận; (iii) được biết đến hoặc được tiết lộ cho Bên Tiếp Nhận bởi một bên thứ ba có quyền hợp pháp tiết lộ thông tin; (iv) được Bên Tiếp Nhận phát triển độc lập mà không cần tham khảo Thông tin bảo mật được tiết lộ bởi Bên Cung Cấp; (v) Bên Tiếp Nhận thông tin được yêu cầu tiết lộ theo quy định pháp luật, theo yêu cầu của tòa án hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền, với điều kiện Bên Tiếp Nhận, trong phạm vi được cho phép, sẽ thông báo cho Bên Cung Cấp trước thời điểm tiết lộ để Bên Cung Cấp kịp thời tìm kiếm biện pháp bảo vệ liên quan đến việc tiết lộ đó và Bên Tiếp Nhận cam kết sẽ chỉ tiết lộ các phần của Thông tin bảo mật trong phạm vi được yêu cầu.
Either Party's obligation of confidentiality under this Article shall not apply to information which is: (i) known to or disclosed to the Recipient prior to the effective date of this Contract; (ii) has become or is becoming public not due to a breach by the Recipient; (iii) known to or disclosed to the Recipient by a third party with a legal right to disclose the information; (iv) independently developed by the Recipient without reference to Confidential Information disclosed by the Supplier; (v) the Recipient of information is required to disclose as required by law, at the request of a court or competent state agency, provided that the Recipient, to the extent permitted, will notify the Supplier prior to the time of disclosure so that

the Supplier promptly seeks safeguards in relation to such disclosure and the Recipient will disclose portions of the Confidential Information only to the extent required.

- 3.3 Nghĩa vụ bảo mật thông tin: (i) Bên Tiếp Nhận cam kết giữ bí mật và không tiết lộ Thông tin bảo mật cho bất kỳ bên thứ ba nào, trừ trường hợp được sự đồng ý bằng văn bản của Bên Cung Cấp; (ii) Bên Tiếp Nhận cam kết chỉ sử dụng Thông tin bảo mật cho Hợp đồng này và không sử dụng Thông tin bảo mật để phát triển các sản phẩm và dịch vụ của riêng mình; (iii) Bên Tiếp Nhận cam kết chỉ tiết lộ Thông tin bảo mật cho nhân viên hoặc nhà thầu của Bên Tiếp Nhận cần phải biết để thực hiện Hợp đồng. Bên Tiếp Nhận đã ký hoặc cam kết sẽ ký với các đối tượng nêu tại điều này thỏa thuận bảo mật thông tin quy định nghĩa vụ bảo mật không ít hơn các nghĩa vụ được quy định trong Hợp đồng này.

Obligation to keep information confidential: (i) The Recipient undertakes to keep confidential and not to disclose Confidential Information to any third party, except with the prior written consent of the Supplier; (ii) The Recipient undertakes to only use Confidential Information for this Contract and not to use Confidential Information to develop its own products and services; (iii) The Recipient undertakes to only disclose Confidential Information to the Recipient's employees or contractors that are required to know in order to perform the Contract. The Recipient has signed or committed to sign with the subjects mentioned in this article an information confidentiality agreement stipulating confidentiality obligations not less than the obligations specified in this Contract.

- 3.4 Trừ trường hợp hai Bên có thỏa thuận khác bằng văn bản, nghĩa vụ bảo mật thông tin quy định tại Điều này tiếp tục có hiệu lực trong khoảng thời gian năm (05) năm kể từ thời điểm Khách hàng ngừng sử dụng Phần mềm và/hoặc Dịch vụ do FPT cung cấp theo Hợp đồng này, trừ các trường hợp pháp luật có quy định khác về thời hạn bảo mật thì các Bên sẽ tuân thủ theo quy định pháp luật.

Unless otherwise agreed in writing by the two Parties, the obligation to keep information confidential specified in this Article continues to be valid for a period of five (05) years from the time the Customer stops using the Software and/or Services provided by FPT under this Contract, except otherwise provided by laws for the confidentiality period, the Parties shall comply with the provisions of law.

- 3.5 Bảo vệ Dữ liệu cá nhân

Protection on the Personal data

Nhằm mục đích thực hiện Hợp đồng, Khách hàng có thể sẽ cung cấp cho FPT Dữ liệu cá nhân. Khi đó, Khách hàng đảm bảo rằng:

For the purpose of the Contract's implementation, the Customer may provide FPT with the Personal data. The Customer commits that:

- 3.5.1. Khách hàng tuân thủ nghiêm quy định tại Luật Bảo vệ Dữ liệu cá nhân hiện hành và các văn bản sửa đổi bổ sung, hướng dẫn thi hành trong quá trình thu thập, xử lý Dữ liệu cá nhân và chịu mọi trách nhiệm phát sinh từ và liên quan nếu Khách hàng vi phạm nghĩa vụ này.

The Customers shall strictly comply with the currently applicable Law on Personal data protection and amendment, supplement, guidelines documents while collecting and processing the Personal data and bear all responsibilities arising out of and related to if the Customer violates this obligation.

- 3.5.2. Khách hàng đã thông báo đến Chủ thể dữ liệu cá nhân và có được sự đồng ý của Chủ thể dữ liệu cá nhân về việc Dữ liệu cá nhân có thể được chuyển giao cho và xử lý bởi FPT nhằm mục đích thực hiện Hợp đồng. Các thông báo và đồng ý nói trên phải được thực hiện theo đúng quy định của Luật Bảo vệ Dữ liệu cá nhân hiện hành, các văn bản sửa đổi bổ sung, hướng dẫn thi hành và pháp luật khác có liên quan.

The Customer has informed the Personal Data subject and obtained the Personal Data subject's consent that the Personal data may be transferred to and processed by FPT for the purpose of performing the Contract. The above notifications and consents must be carried out in accordance with the currently applicable Law on Personal data protection together with amendment, supplement, guidelines documents and other relevant laws.

- 3.5.3. Trong trường hợp Chủ thể dữ liệu cá nhân có bất cứ yêu cầu gì về việc xử lý Dữ liệu cá nhân có liên quan đến hoạt động xử lý Dữ liệu cá nhân của FPT theo Hợp đồng, Khách hàng sẽ ngay lập tức thông báo cho FPT để thực hiện các yêu cầu của Chủ thể dữ liệu cá nhân theo quy định của pháp luật có liên quan.

In case the Personal Data subject has any request regarding the processing of the Personal data related to FPT's processing under the Contract, the Customer will immediately notify FPT to carry out the requests of the Data subjects in accordance with relevant laws.

- 3.5.4. Trong trường hợp cơ quan nhà nước có thẩm quyền thanh tra, kiểm tra FPT, hoặc Chủ thể dữ liệu cá nhân có liên quan gửi yêu cầu, khiếu nại đến FPT về việc xử lý Dữ liệu cá nhân theo Hợp đồng, FPT có quyền yêu cầu và Khách hàng có nghĩa vụ cung cấp cho FPT các tài liệu, chứng từ chứng minh sự đồng ý của Chủ thể dữ liệu cá nhân nêu tại điểm 3.5.2 Khoản này trong vòng 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu bằng văn bản và các bằng chứng liên quan về yêu cầu này từ FPT.

In case a state agency with authority to inspect or examine FPT, or the relevant Personal Data subject sends a request or complaint to FPT regarding the Personal data processing under the Contract, FPT has the right to request and Customer is obliged to provide FPT with documents proving the Personal Data subject's consent stated in Point 3.5.2 of this Clause within 02 (two) working days from the date of receipt of written request and relevant evidence of the request from FPT.

ĐIỀU 4. ĐIỀU KHOẢN THANH TOÁN

ARTICLE 4. PAYMENT TERMS

- 4.1 Thời hạn và hình thức thanh toán: Trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày FPT khởi tạo Dịch vụ, Khách hàng có trách nhiệm thanh toán đầy đủ cho FPT bằng hình thức chuyển khoản.

Within thirty (30) days from the date FPT initiates the Service, the Customer shall be responsible for making full payment to FPT by bank transfer.

- 4.2 Xử lý vi phạm thanh toán: Hết thời hạn quy định tại Điều 4.1 mà Khách hàng chưa hoàn tất thanh toán, FPT có quyền tạm dừng cung cấp Dịch vụ cho đến khi Khách hàng thanh toán đầy đủ.

Upon expiry of the term specified in Article 4.1 without full payment having been made by the Customer, FPT shall be entitled to suspend provision of the Service until such time as the Customer has made payment in full.

- 4.3 Xuất hóa đơn: FPT xuất hóa đơn cho Khách hàng sau khi đáp ứng đồng thời hai (02) điều kiện sau: (i) hai Bên đã ký Hợp đồng/Biên bản bàn giao, nghiệm thu Dịch vụ; và (ii) FPT đã nhận đủ khoản thanh toán từ Khách hàng.

FPT shall issue an invoice to the Customer upon satisfaction of both of the following conditions concurrently: (i) the Parties have signed the Contract/Handover and Service Acceptance Minutes; and (ii) FPT has received full payment from the Customer.

ĐIỀU 5. SỞ HỮU TRÍ TUỆ

ARTICLE 5. INTELLECTUAL PROPERTY

- 5.1 Quyền sở hữu và Quyền sở hữu trí tuệ đối với Phần mềm, Dịch vụ cùng tất cả các hồ sơ, tài liệu liên quan thuộc về FPT và sẽ không được chuyển giao cho Khách hàng, nếu hai Bên không có thỏa thuận khác bằng văn bản. Khách hàng được cung cấp quyền truy cập và sử dụng đối với Phần mềm của FPT trong phạm vi được quy định tại Hợp đồng này.

Ownership and Intellectual Property Rights to the Software, Services and all related records and documents belong to FPT and will not be transferred to the Customer, unless the two Parties agree otherwise by document. The Customer is provided with the right to access and use the Software of FPT within the scope specified in this Contract.

- 5.2 Khách hàng cam kết: (i) chỉ sử dụng Phần mềm trong phạm vi tính năng và thời hạn của Phần mềm đã đăng ký tại Hợp đồng; (ii) không chia sẻ mật khẩu, cấp cho người khác quyền truy cập và sử dụng Phần mềm hoặc chia sẻ, chuyển nhượng Tài khoản truy cập cho bất kỳ ai khác (mà không được sự đồng ý của FPT); (iii) không chuyển giao, chuyển nhượng, cài đặt, cung cấp quyền truy cập và sử dụng Phần mềm và Dịch vụ cho bất kỳ bên thứ ba nào mà không có sự cho phép bằng văn bản của FPT; (iv) không, một cách trực tiếp hay gián tiếp, can thiệp kỹ thuật, tìm cách lấy mã nguồn, sao chép, sửa đổi hoặc tạo các sản phẩm phái sinh từ Phần mềm; (v) không, một cách trực tiếp hay gián tiếp, loại bỏ, sửa đổi hoặc làm mờ các thông báo quyền sở hữu hoặc các thông báo khác có trong một phần hay toàn bộ Phần mềm cùng các hồ sơ, tài liệu liên quan; (vi) không, một cách trực tiếp hay gián tiếp, thực hiện các hành động khác xâm phạm Quyền sở hữu trí tuệ của FPT hoặc của một bên thứ ba khác.

The Customer commits to: (i) only use the Software within the scope of features and term of the Software registered in the Contract; (ii) not share passwords, grant others access and use the Software, or share or transfer Service Accounts to anyone else (without the consent of FPT); (iii) not transfer, install, provide access to and use the Software and Services to any third party without the written permission of FPT; (iv) not, directly or indirectly, with technical interference, attempt to obtain the source code, copy, modify or create derivative works from the Software; (v) not, directly or indirectly, remove, modify or obscure any proprietary rights notices or other notices contained in any part or all of the Software and related records and documents; (vi) not, directly or indirectly, take other actions that infringe the Intellectual Property Rights of FPT or another third party.

- 5.3 Để làm rõ, FPT không chịu trách nhiệm về quyền sở hữu và/hoặc Quyền sở hữu trí tuệ của bất kỳ tài liệu, phần mềm công cụ, phần mềm hệ thống, môi trường và các phần mềm khác không do FPT cung cấp mà Khách hàng sử dụng trong quá trình sử dụng Phần mềm và Dịch vụ. Khách hàng đảm bảo giữ cho FPT độc lập và không bị ảnh hưởng trong trường hợp phát sinh tranh chấp liên quan đến việc Khách hàng vi phạm quy định tại Điều này.

To clarify, FPT is not responsible for the ownership and/or Intellectual Property Rights of any documents, tool software, system software, environment and other software not provided by FPT that the Customer uses in the process of using the Software and Services. The Customer ensures to keep FPT independent and unaffected in the event of a dispute arising from Customer's violation of this Article.

- 5.4 Khách hàng đồng ý rằng mọi hành vi vi phạm quy định tại Điều này sẽ gây thiệt hại nghiêm trọng cho FPT. FPT có quyền yêu cầu Khách hàng thanh toán một khoản phạt vi phạm bằng 8% giá trị Hợp đồng, đồng thời yêu cầu Khách hàng bồi thường mọi thiệt hại phát sinh cho FPT do hành vi vi phạm của Khách hàng gây ra. Ngoài ra, FPT có quyền tìm kiếm các biện pháp tạm thời theo quy định pháp luật nhằm ngăn chặn hành vi vi phạm của Khách hàng và hạn chế các tổn thất do hành vi vi phạm này gây ra.

The Customer agrees that any violation specified in this Article will cause serious damage to FPT. FPT has the right to request the Customer to pay a penalty of 8% of the Contract value, at the same time requesting the Customer to compensate for all damages incurred by FPT due to the Customer's violations. In addition, FPT has the right to seek temporary measures in accordance with the law to prevent the Customer's violation and limit the losses caused by this violation.

ĐIỀU 6. QUY ĐỊNH TRƯỜNG HỢP BẤT KHẢ KHÁNG

ARTICLE 6. PROVISIONS FOR FORCE MAJEURE CASES

- 6.1 Mỗi Bên không chịu trách nhiệm về bất kỳ sự chậm trễ thực hiện hoặc không thực hiện được Hợp đồng do việc phát sinh trực tiếp hay gián tiếp bởi các nguyên nhân vượt quá khả năng kiểm soát bao gồm nhưng không hạn chế đối với việc thực hiện theo yêu cầu của chính quyền địa phương, cơ quan nhà nước và/hoặc các sự kiện về thiên tai, bão lụt, động đất, khủng bố, chiến tranh.

Each Party shall not be liable for any delay in performance or failure to perform the Contract resulting directly or indirectly from causes beyond its control including but not limited to the performance at the request of local authorities, state agencies and/or events related to natural disasters, storms, floods, earthquakes, terrorism, wars.

- 6.2 Trong trường hợp này, Bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng, trong thời gian sớm nhất có thể kể từ thời điểm xảy ra sự kiện bất khả kháng phải thông báo cho Bên còn lại về sự kiện bất khả kháng. Trừ khi có ý kiến của Bên còn lại bằng văn bản, Bên rơi vào tình trạng bất khả kháng vẫn phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ Hợp đồng của mình theo hoàn cảnh thực tế cho phép và phải tìm mọi biện pháp hợp lý để thực hiện các phần việc không bị trường hợp bất khả kháng gây trở ngại cũng như phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng khi sự kiện bất khả kháng chấm dứt và phải tìm mọi biện pháp khắc phục hậu quả để tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ của Hợp đồng.

In this case, the Party affected by the force majeure event shall, as soon as possible after the occurrence of the force majeure event, notify the other Party of the force majeure event. Unless otherwise agreed in writing by the other Party, the Party falling into force majeure must continue to perform its contractual obligations in accordance with the actual circumstances and must find all reasonable measures to perform the work that is not hindered by the force majeure event as well as continuing to perform their obligations under the Contract when the force majeure event ends and must seek all remedial measures to continue to perform its obligations under the Contract.

ĐIỀU 7. PHẠT, BỒI THƯỜNG THIẾT HẠI VÀ GIỚI HẠN TRÁCH NHIỆM

ARTICLE 7. PENALTY, COMPENSATION AND LIMITATION OF LIABILITY

- 7.1 Trường hợp một Bên chậm thực hiện bất kỳ nghĩa vụ nào so với thời hạn đã cam kết trong Hợp đồng, Bên vi phạm sẽ chịu một khoản phạt bằng 0,05% giá trị phần nghĩa vụ bị vi phạm. Tổng giá trị phạt vi phạm không vượt quá 8% giá trị Hợp đồng. Trường hợp vượt quá mức trần phạt nêu trên, Bên bị vi phạm có quyền chấm dứt Hợp đồng.

In case either Party fails to fulfill any obligation in time as specified in the Contract, the violating Party has to pay a fine of 0.05% of the value of the violated obligation. The maximum fine level does not exceed 8% of the Contract's value. In case the total fines exceed this percentage, the aggrieved Party may terminate the Contract.

- 7.2 Ngoài các khoản phạt quy định tại Hợp đồng này, Bên vi phạm phải bồi thường cho Bên bị vi phạm các thiệt hại thực tế và trực tiếp mà Bên bị vi phạm phải chịu phát sinh do vi phạm của Bên vi phạm theo quy định tại Hợp đồng này.

In addition to the fines as specified in the Contract, the violating Party shall pay compensation for material and direct losses suffered by the aggrieved Party as specified in this Contract.

- 7.3 Không Bên nào phải bồi thường cho Bên còn lại đối với các các thiệt hại gián tiếp hoặc mang tính hệ quả (bao gồm, nhưng không giới hạn, thiệt hại gây ra do thất thoát về lợi nhuận, doanh thu hoặc do gián đoạn kinh doanh) phát sinh liên quan đến Hợp đồng, dù trách nhiệm này phát sinh trong Hợp đồng, ngoài Hợp đồng, hoặc căn cứ trên căn cứ pháp lý khác, ngay cả khi Bên chịu thiệt hại biết trước khả năng thiệt hại có thể xảy ra hoặc thiệt hại có thể được lường trước một cách hợp lý.

Neither Party shall indemnify the other Party for indirect or consequential damages (including, but not limited to, damage caused by loss of profits, revenue or business interruption) arising in connection with the Contract, whether such liability arises under the Contract, out of the Contract, or on the basis of other legal doctrine, even if the aggrieved Party knew in advance that the possibility of loss or damage could be reasonably foreseeable.

- 7.4 Tổng giá trị phạt và bồi thường thiệt hại của FPT đối với Khách hàng, dù quy định trong Hợp đồng, ngoài Hợp đồng hoặc dựa trên một cơ sở pháp lý khác, không vượt quá tổng giá trị Hợp đồng.

The total value of penalties and damages of FPT against the Customer, whether specified in the Contract, outside the Contract or based on another legal basis, shall not exceed the total Contract value.

- 7.5 Một Bên (“**Bên cam kết**”) bảo đảm giữ cho Bên còn lại, cùng toàn bộ các giám đốc, nhân viên, đại lý, công ty thành viên, thầu phụ và khách hàng của Bên đó không bị liên đới trách nhiệm trong các vụ kiện tụng, tranh chấp, các thiệt hại, chi phí (bao gồm nhưng không giới hạn ở các chi phí thuê luật sư) phát sinh do các hành vi vi phạm cố ý hoặc bỏ sót của Bên cam kết.

*One Party (“**Security Party**”) undertakes to hold the other Party, and all directors, employees, agents, affiliates, subcontractors and clients of that Party from being jointly liable in lawsuits, disputes, damages, expenses (including but not limited to attorneys' fees) arising from willful acts or omissions of the Security Party.*

ĐIỀU 8. GIA HẠN DỊCH VỤ

ARTICLE 8. SERVICE RENEWAL

Tối thiểu 30 (ba mươi) ngày trước thời điểm hết thời hạn Dịch vụ hoặc hết số lượng sử dụng hóa đơn/hợp đồng điện tử trong Hợp đồng, FPT sẽ gửi thông báo gia hạn cùng các thay đổi (nếu có) cho Khách hàng. Dịch vụ sẽ được gia hạn thêm một chu kỳ/gói tương đương quy định trong Hợp đồng khi xảy ra bất kỳ một trong các trường hợp sau:

At least 30 (thirty) days before the Services expire or the number of electronic invoices/contracts in the Contract is exhausted, FPT shall send a renewal notice together with any changes (if any) to the Customer. The Service will be renewed for an equivalent cycle/package as stipulated in the Contract in any of the following cases:

- 8.1.1 Khách hàng xác nhận đồng ý gia hạn Dịch vụ; hoặc

The Customer confirms to renew the Services; or

- 8.1.2 Khách hàng không có văn bản từ chối gia hạn Dịch vụ gửi đến FPT tối thiểu 15 (mười lăm) ngày trước ngày hết hạn.

The Customer fails to send a written refusal to renew the Services to FPT at least 15 (fifteen) days before the expiration date.

Hai Bên hiểu và đồng ý rằng xác nhận gia hạn theo điểm 8.1.1 được thực hiện qua bất kỳ hình thức nào (văn bản, email, tin nhắn, hệ thống, ...) đều có đầy đủ giá trị pháp lý ràng buộc các Bên. Các Bên cam kết không tranh chấp về hình thức của xác nhận này.

Both Parties understand and agree that the renewal confirmation under point 8.1.1, made under any form (written document, email, text message, system, etc.), is legally binding on both Parties. Both Parties commit not to disputing the form of this confirmation.

- 8.2 Phí gia hạn được áp dụng theo một trong các căn cứ sau:

Renewal fees shall be applied based on one of the following:

- 8.2.1 Bảng giá quy định tại Hợp đồng này hoặc các phụ lục kèm theo.

The price list stipulated in this Contract or its attached appendices.

- 8.2.2 Báo giá gửi cho Khách hàng tại thời điểm thông báo gia hạn và được Khách hàng chấp nhận trước thời điểm gia hạn.

The quotation sent to the Customer at the time of renewal notification and accepted by the Customer before the renewal date.

Trong mọi trường hợp, FPT có trách nhiệm thông báo mức phí gia hạn cho Khách hàng tại thời điểm gửi thông báo gia hạn theo quy định tại Điều 8.1 nêu trên.

In all cases, FPT is responsible for notifying the Customer of the renewal fee at the time of sending the renewal notification as stipulated in Article 8.1 above.

ĐIỀU 9. CÁC ĐIỀU KHOẢN KHÁC

ARTICLE 9. OTHER PROVISIONS

- 9.1 Không Bên nào được phép chuyển nhượng Hợp đồng này cho Bên thứ ba nếu không được sự cho phép trước bằng văn bản của Bên còn lại.

Neither Party may assign this Contract to a Third Party without the prior written consent of the other Party.

- 9.2 Nếu bất kỳ điều khoản hay điều kiện nào của Hợp đồng bị cấm, bị coi là vô hiệu hoặc không có giá trị thì hành, thì việc nghiêm cấm, vô hiệu hoặc không có giá trị thì hành đó không làm ảnh hưởng tới hiệu lực hoặc khả năng thực thi của bất kỳ điều khoản và điều kiện nào khác trong Hợp đồng.

If any terms or conditions of the Contract is prohibited, held to be null and void or unenforceable, such prohibition, invalidation or unenforceability shall not affect the validity or enforceability of the Contract or any other terms and conditions in the Contract.

- 9.3 Không một sự giảm trừ, trì hoãn, chậm trễ hoặc miễn trách bởi một Bên trong việc thi hành bất kỳ điều khoản, điều kiện nào của Hợp đồng hoặc việc một Bên đồng ý gia hạn thời gian đối với Bên còn lại sẽ làm tổn hại, ảnh hưởng hoặc hạn chế quyền hạn của Bên đó trong phạm vi Hợp đồng, đồng thời, không một sự miễn trừ của bất kỳ Bên nào đối với việc vi phạm Hợp đồng đồng nghĩa với việc miễn trừ các vi phạm Hợp đồng tiếp theo hoặc hệ quả của vi phạm Hợp đồng đó.

No reduction, delay or waiver by either Party in the performance of any terms or conditions of the Contract or the approval of one Party to extend the time in respect of the other Party shall be harm, affect or limit the rights of that Party within the scope of the Contract, and, at the same time, no waiver of any Party for a breach of the Contract shall mean a waiver of any further breach of the Contract or the consequences of a breach of that Contract.

- 9.4 Các Bên cam kết thực hiện nghiêm chỉnh các điều khoản được quy định trong Hợp đồng này. Bất kỳ việc sửa đổi, bổ sung nào đối với Hợp đồng phải được lập thành văn bản và được ký bởi đại diện có thẩm quyền của hai Bên.

The Parties commit to strictly implement the terms specified in this Contract. Any amendments or supplements to the Contract must be made in writing and signed by authorized representatives of both Parties.

- 9.5 Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, nếu có phát sinh tranh chấp, hai Bên sẽ gặp nhau bàn bạc giải quyết trên cơ sở hợp tác. Trong trường hợp không thương lượng được, hai Bên sẽ chuyển vụ việc tới Tòa án có thẩm quyền giải quyết.

During the performance of the Contract, if any dispute arises, the two Parties will meet to discuss and resolve on the basis of cooperation. In case of failure to negotiate, the two Parties will transfer the case to a competent Court for settlement.

- 9.6 Phụ lục của Hợp đồng là một phần không thể tách rời của Hợp đồng (nếu có).

The addendums to the Contract are an integral part of the Contract (if any).

PHẦN 2. DỊCH VỤ ĐIỆN TỬ FPT
PART 2. FPT DIGITAL SERVICES

Các quy định tại Phần 2 áp dụng khi Khách hàng đăng ký sử dụng: (i) Phần mềm Hợp đồng điện tử FPT.eContract; và/hoặc (ii) Phần mềm Hóa đơn điện tử FPT.eInvoice; và/hoặc (iii) Phần mềm quản lý thuế thu nhập cá nhân điện tử FPT.ePIT, và/hoặc (iv) Phần mềm Chứng thực hợp đồng điện tử FPT.CeCA.

The provisions in Part 2 apply when the Customer registers to use: (i) FPT.eContract Electronic Contract Software; and/or (ii) FPT.eInvoice Electronic Invoice Software; and/or (iii) FPT.ePIT Electronic Personal income tax Management Software, and/or (iv) FPT.CeCA Electronic Contract Authentication Software.

ĐIỀU 1. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN SỬ DỤNG DỊCH VỤ

ARTICLE 1. RIGHTS AND OBLIGATIONS OF THE SERVICE USER (CUSTOMER)

- 1.1 Có quyền quản trị và chủ động trong việc phát hành, lưu trữ và truyền tải Hóa đơn/tài liệu/chứng từ điện tử của Khách hàng.
Have the right to administer and take the initiative in issuing, storing and transmitting Customer's Invoices/documents/electronic documents.
- 1.2 Có quyền phát hành số lượng Hóa đơn/tài liệu/chứng từ điện tử theo nhu cầu và thực tế đăng ký với FPT và chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc phát hành.
Have the right to issue the number of Invoices/documents/electronic documents according to the demand and actual registration with FPT and take responsibility before the law for the issuance.
- 1.3 Tự chịu trách nhiệm bảo mật dữ liệu Hóa đơn/tài liệu/chứng từ điện tử của mình.
Self-responsible for data security of your electronic invoices/documents/dossiers.
- 1.4 Có nghĩa vụ bảo quản và sử dụng Tài khoản truy cập của mình một cách an toàn, bí mật trong suốt thời gian Tài khoản truy cập có hiệu lực và kể cả trong thời gian bị tạm dừng; thông báo trong vòng 24h cho FPT yêu cầu tạm dừng/thu hồi Tài khoản truy cập nếu nghi ngờ hay biết rằng Tài khoản truy cập đã bị mất/lộ hoặc bị sử dụng trái phép.
Have the obligation to preserve and use the Customer's Service Account in a safe and confidential manner during the validity period of the Service Account and even during the suspension period; notify FPT within 24 hours of requesting to suspend/revoke the Service Account if it is suspected or known that the Service Account has been lost/revealed or illegally used.
- 1.5 Tuân thủ các quy định pháp luật về cung cấp thông tin cho các cơ quan chức năng khi được yêu cầu, chịu trách nhiệm trước pháp luật và FPT về mọi thiệt hại xảy ra nếu sử dụng/quản lý Tài khoản truy cập không phù hợp.
Comply with the legal regulations on providing information to the authorities when being required, take responsibility before the law and FPT for any damage that occurs if the Customer's use/management of the Service Account is inappropriate.
- 1.6 Phối hợp, hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi để FPT thực hiện khảo sát hiện trạng các hệ thống phần mềm của Khách hàng nhằm xây dựng phương án tốt nhất triển khai Dịch vụ cho Khách hàng.
Coordinate, support and create favorable conditions for FPT to survey the current status of the Customer's software systems for the purpose of creating the best plan to deploy the Service for Customer.
- 1.7 Trong trường hợp Khách hàng có nhu cầu tích hợp Phần mềm với hệ thống phần mềm khác của Khách hàng, Khách hàng chịu trách nhiệm làm việc với đơn vị phát triển phần mềm trên để tích hợp với Phần mềm. Toàn bộ chi phí phát sinh mà bên thứ ba yêu cầu liên quan tới việc tích hợp này (nếu có) sẽ do Khách hàng chịu.
In case the Customer desires to integrate the Software with other software systems of the Customer, the Customer is responsible for working with such software development unit to integrate with the Software. All costs incurred by the third party related to this integration (if any) will be borne by the Customer.
- 1.8 Chịu trách nhiệm xây dựng nội dung đào tạo, thông báo thông tin, phương án triển khai hóa đơn/tài liệu/chứng từ điện tử cho khách hàng của mình.
Be responsible for developing training content, informing information and plan to deploy electronic invoices/documents/dossiers for the Customer's clients.

ĐIỀU 2. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA NHÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

ARTICLE 2. RIGHTS AND OBLIGATIONS OF SERVICE PROVIDER (FPT)

- 2.1 Đảm bảo an toàn, bảo mật và tính xác thực trong suốt quá trình tạo và chuyển giao Tài khoản truy cập/ khóa bí mật cho Khách hàng. Giải quyết và bồi thường các thiệt hại thực tế, trực tiếp phát sinh cho Khách hàng trong trường hợp Tài khoản truy cập/ khóa bí mật, do lỗi của FPT, có những thông tin không chính xác so với những thông tin do Khách hàng đã cung cấp.
Ensure safety, confidentiality and authenticity throughout the process of creating and transferring Service Accounts/ private key to the Customer. Settle and compensate for direct, actual damages incurred by the Customer in case the Service Account/ private key provided by FPT includes incorrect information compared to the information provided by the Customer.
- 2.2 Thông báo ngay cho Khách hàng, đồng thời áp dụng những biện pháp ngăn chặn và khắc phục kịp thời trong trường hợp phát hiện thấy dấu hiệu Tài khoản truy cập/ khóa bí mật đã bị lộ, không còn toàn vẹn hoặc bất cứ sự sai sót nào khác có nguy cơ ảnh hưởng xấu đến quyền lợi của Khách hàng.
Immediately clarify to the Customer, and apply timely preventive and remedial measures in case of detecting signs that the Service Account/private key has been exposed, incomplete, or any errors that threatens to adversely affect the interests of the Customer.
- 2.3 Không chịu trách nhiệm về các lỗi xảy ra do phần mềm cài đặt khác không tương thích với Phần mềm.
Not responsible for errors caused by other installed software which is incompatible with the Software.
- 2.4 Không chịu các trách nhiệm pháp lý liên quan đến việc phát hành, lưu trữ, sử dụng Hóa đơn/tài liệu/chứng từ điện tử của Khách hàng, trừ trường hợp các trách nhiệm này phát sinh trực tiếp do lỗi hệ thống kỹ thuật của FPT.
Do not bear any legal responsibilities related to the issuance, storage, and use of the Customer's electronic invoices/documents/dossiers, unless these responsibilities arise directly due to technical system errors of FPT.
- 2.5 Lưu trữ hóa đơn/tài liệu/chứng từ trên hệ thống khi Khách hàng vẫn sử dụng Dịch vụ của FPT. Khi Khách hàng chấm dứt Dịch vụ, FPT hỗ trợ chuyển đổi, bàn giao dữ liệu cho Khách hàng trong vòng 90 (chín mươi) ngày kể từ khi ngày chấm dứt sử dụng Dịch vụ.
Store invoices/documents/dossiers on the system when the Customer is still using FPT's Service. When the Customer terminates the Service, FPT supports the conversion and handover of data to the Customer within 90 (ninety) days from the date of termination of using the Service.

ĐIỀU 3. THAY ĐỔI/TẠM DỪNG/CHẤM DỨT SỬ DỤNG DỊCH VỤ

ARTICLE 3. CHANGE/PAUSE/TERMINATION OF SERVICE

- 3.1 Việc tạm dừng cung cấp Dịch vụ cho Khách hàng xảy ra khi xuất hiện ít nhất một trong những trường hợp sau: (i) Dịch vụ của Khách hàng hết thời hạn hiệu lực mà Khách hàng không đóng phí duy trì Dịch vụ; (ii) theo yêu cầu của Khách hàng và yêu cầu này đã được FPT xác minh là chính xác; (iii) khi phát hiện các sai sót trong hệ thống cung cấp Dịch vụ có thể làm ảnh hưởng đến quyền lợi của Khách hàng; (iv) khi có yêu cầu của cơ quan tiến hành tố tụng, cơ quan công an hoặc cơ quan Nhà nước có thẩm quyền; (v) quá thời hạn thanh toán quy định tại Điều 4.1 (30 (ba mươi) ngày kể từ ngày FPT khởi tạo Dịch vụ) mà Khách hàng chưa thanh toán đầy đủ.
The suspension of providing Services to the Customer occurs when at least one of the following cases arises: (i) the Customer's Service expires but the Customer does not pay the Service maintenance fee; (ii) at the request of the Customer and this request has been verified by FPT to be correct; (iii) when detecting errors in the Service provision system that may affect the interests of the Customer; (iv) at the request of the civil proceeding

authority, police agency or competent State agency; (v) upon expiry of the payment term specified in Article 4.1 (30 (thirty) days from the date FPT initiates the Service) without full payment having been made by the Customer to FPT.

Khi có căn cứ tạm dừng Dịch vụ, FPT sẽ tiến hành tạm dừng, đồng thời, thông báo ngay cho Khách hàng về việc tạm dừng, thời gian bắt đầu và kết thúc việc tạm dừng.

When there is a ground to suspend the Service, FPT will proceed to suspend, and at the same time, immediately notify the Customer of the suspension, the start and end time of the suspension.

Khi yêu cầu tạm dừng phát sinh từ Khách hàng, Khách hàng làm các thủ tục, thanh toán hết các khoản cước phí tính đến thời điểm tạm ngừng theo quy định hiện hành (nếu có). Thời gian tạm ngừng tối thiểu và tối đa thực hiện theo quy định của FPT tại thời điểm tạm ngừng. Ngoài ra, Khách hàng phải chịu thêm cước phí tạm ngừng dịch vụ và cước phí khôi phục Dịch vụ theo quy định của FPT (nếu có).

When the request for suspension arises from the Customer, the Customer will carry out the procedures and pay all the fees up to the time of suspension according to current regulations (if any). Minimum and maximum suspension time is as prescribed by FPT at the time of suspension. In addition, the Customer must bear additional charges for Service suspension and Service restoration in accordance with FPT regulations (if any).

FPT sẽ không chịu bất kỳ trách nhiệm gì về các thiệt hại của Khách hàng khi tạm dừng Dịch vụ trong các trường hợp (i), (ii) và (iv), (v) của mục 3.1 này.

FPT will not be responsible for any damages caused by the Customer when the Service is suspended in the cases (i), (ii) and (iv), (v) of this section 3.1.

Việc cung cấp Dịch vụ sẽ được khôi phục lại khi các căn cứ để tạm dừng kết thúc, hoặc thời hạn tạm dừng theo yêu cầu của Khách hàng đã hết.

The provision of the Service will be resumed when the grounds for suspension end, or the suspension period requested by the Customer has expired.

3.2

Chấm dứt sử dụng Dịch vụ xảy ra khi xuất hiện ít nhất một trong những trường hợp sau: (i) Hai Bên thỏa thuận về việc chấm dứt sử dụng Dịch vụ; (ii) Khách hàng sử dụng hết gói Dịch vụ đã đăng ký mà không đăng ký sử dụng thêm; (iii) Trừ trường hợp trong Hợp đồng có quy định khác, một trong hai Bên vi phạm điều khoản của Hợp đồng hoặc vi phạm quy định pháp luật liên quan đến dịch vụ mà không khắc phục trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày hoặc một thời hạn khác do hai Bên thỏa thuận thì Bên bị vi phạm có quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng; (iv) Theo yêu cầu của Khách hàng bằng văn bản và được FPT xác minh là chính xác; (v) Khi có yêu cầu của cơ quan tiến hành tố tụng, cơ quan công an hoặc cơ quan Nhà nước có thẩm quyền; (vi) Các trường hợp chấm dứt khác theo quy định của Hợp đồng.

Termination of use of the Service occurs when at least one of the following arises: (i) The two Parties agree to terminate the use of the Service; (ii) The Customer has used up the registered Service package without registering for additional use; (iii) Unless otherwise provided in the Contract, either Party violates the terms of the Contract or the provisions of law related to the service without remedying it within 30 (thirty) days or another time limit due to the two Parties' agreement, in this case, the breached Party has the right to unilaterally terminate the Contract; (iv) At the request of the Customer in writing and this request is verified by FPT to be correct; (v) At the request of the civil proceeding authority, the police agency or a competent State agency; (vi) Other cases of termination as provided in this Contract.

FPT sẽ không chịu bất kỳ trách nhiệm gì về các thiệt hại của Khách hàng khi chấm dứt Dịch vụ trong các trường hợp (i), (ii), (iv) và (v) của Khoản 3.2 này.

FPT will not be responsible for any damages caused by the Customer when the Service is terminated in the cases (i), (ii) and (iv), (v) of Clause 3.2.

Hệ quả của việc chấm dứt sử dụng Dịch vụ: (i) Trường hợp chấm dứt theo điểm (iii) Khoản 3.2 Điều này, Bên vi phạm phải bồi thường các thiệt hại thực tế và trực tiếp phát sinh mà Bên bị vi phạm phải chịu do hành vi vi phạm gây ra; (ii) Hai Bên sẽ hoàn thành các khoản thanh toán, công nợ (nếu có) trong vòng vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày chấm dứt.

Consequences of termination of Service: (i) In case of termination under Point (iii), Clause 3.2 of this Article, the violating Party must compensate for actual and direct damages incurred by the aggrieved Party due to the breach; (ii) The two Parties will complete the payments and debts (if any) within 30 (thirty) days from the date of termination.

PHẦN 3. DỊCH VỤ CHỨNG THỰC CHỮ KÝ SỐ CÔNG CỘNG FPT-CA
PART 3. FPT.CA PUBLIC AUTHENTICATION OF DIGITAL SIGNATURE SERVICE

Các quy định tại Phần 3 áp dụng khi Khách hàng đăng ký sử dụng Dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng FPT-CA.

The provisions in Part 3 apply when the Customer registers to use the FPT-CA Public Authentication of Digital Signature Service.

ĐIỀU 1. ĐỊNH NGHĨA

ARTICLE 1. DEFINITIONS

- 1.1 “**Chữ ký số**”: là chữ ký điện tử sử dụng thuật toán khóa không đối xứng, gồm khóa bí mật và khóa công khai, trong đó khóa bí mật được dùng để ký số và khóa công khai được dùng để kiểm tra chữ ký số. Chữ ký số bảo đảm tính xác thực, tính toàn vẹn và tính chống chối bỏ nhưng không bảo đảm tính bí mật của thông điệp dữ liệu.
“Digital signature”: is an electronic signature using asymmetric algorithm consisting of a private key and a public key. The private key is used to add the digital signature and the public key is used to verify the digital signature. The digital signature ensures the authenticity, integrity and undeniability but fails to ensure the secrecy of the data message.
- 1.2 “**Chữ ký số công cộng**”: là Chữ ký số được sử dụng trong hoạt động công cộng.
“Public digital signatures”: are the Digital signatures used in public activities.
- 1.3 “**Chứng thư chữ ký số**”: là thông điệp dữ liệu nhằm xác nhận cơ quan, tổ chức, cá nhân được chứng thực là người ký chữ ký số. Chứng thư chữ ký số đảm bảo cho Chữ ký số công cộng được gọi là “**Chứng thư chữ ký số công cộng**”.
“Digital signature certificate”: is a data message for authentication of the signatory’s digital signature. Digital signature certificate used to secure the Public digital signatures is called “Public digital signature certificate”.
- 1.4 “**USB Token**” hoặc “**Token**”: là thiết bị bảo mật dùng để lưu trữ thông tin khóa bí mật của Khách hàng sử dụng Dịch vụ chữ ký số FPT-CA. Thiết bị USB Token được bảo hành vĩnh viễn trong thời gian sử dụng dịch vụ của Khách hàng.
“USB Token” or “Token”: is a security device used to store information of the Customer’s private key using the FPT-CA digital signature service. The USB Token is warranted eternally during the service period of the Customer.

ĐIỀU 2. CHỨC NĂNG CỦA CHỮ KÝ SỐ

ARTICLE 2. FUNCTIONS OF THE DIGITAL SIGNATURE

- 2.1 Cho phép người dùng ký số lên văn bản (.pdf, .xml), file Microsoft office, phần mềm, ...;
Allow users’ digital signatures on documents (.pdf, .xml), Microsoft Office files, software, ...;
- 2.2 Cho phép các cơ quan, tổ chức, ngân hàng, ... ký số, xác thực và phản hồi kết quả giao dịch điện tử cho Khách hàng;
Allow entities, organizations, banks, ... to digitally sign, authenticate, and respond about electronic transaction results to the Customers;
- 2.3 Đảm bảo tính toàn vẹn dữ liệu sau khi được ký số và gửi đi trên đường truyền internet;
Ensure data integrity after documents are digitally signed and sent over the internet;
- 2.4 Đảm bảo tính xác thực dữ liệu;
Ensure data authenticity;
- 2.5 Đảm bảo tính chống chối bỏ;
Ensure non-repudiation;

ĐIỀU 3. MỨC ĐỘ BẢO MẬT

ARTICLE 3. LEVELS OF SECURITY

- 3.1 Hệ thống phân phối khóa cho Khách hàng đảm bảo sự toàn vẹn và bảo mật của cặp khóa. Trong trường hợp phân phối khóa thông qua môi trường mạng máy tính thì hệ thống phân phối khóa phải sử dụng các giao thức bảo mật đảm bảo không lộ thông tin trên đường truyền.
The key distribution system for the Customer ensures the integrity and security of the key pair. In the case of key distribution through a computer network environment, the key distribution system must use security protocols to ensure that no information is disclosed on the transmission line;
- 3.2 Khách hàng có trách nhiệm sử dụng khóa bí mật của mình một cách an toàn, bí mật trong suốt thời gian Chứng thư chữ ký số công cộng của mình có hiệu lực và cả trong trường hợp bị tạm dừng.
The Customer is responsible for using its private key securely and confidentially during the validity of its Public digital signature certificate and even in case of suspension.

ĐIỀU 4. TẠM DỪNG, THU HỒI, GIA HẠN CHỨNG THƯ CHỮ KÝ SỐ CÔNG CỘNG

ARTICLE 4: SUSPENSION, REVOCATION, RENEWAL OF THE PUBLIC DIGITAL SIGNATURE CERTIFICATE

- 4.1 Chứng thư chữ ký số công cộng cấp cho Khách hàng bị tạm dừng trong các trường hợp sau:
The Public digital signature certificate issued to the Customer is suspended in the following cases:
- 4.1.1 Khi Khách hàng yêu cầu bằng văn bản và yêu cầu này đã được FPT xác minh là chính xác;
When the Customer requests in writing and this request has been verified by FPT to be accurate;
- 4.1.2 Khi FPT phát hiện có rủi ro, sai lệch hoặc có dấu hiệu bất thường giữa các thông tin nhận biết tổ chức, cá nhân với các yếu tố sinh trắc học của tổ chức, cá nhân hoặc phát hiện giao dịch đáng ngờ quá trình ký số;
When FPT detects risks, discrepancies or unusual signs between the organization’s or individual’s identification information and the organization’s or individual’s biometric factors or detects suspicious transactions during the digital signature process;
- 4.1.3 Khi FPT phát hiện ra bất cứ sai sót nào có ảnh hưởng đến quyền lợi của Khách hàng;
When FPT discovers any errors that affect the interests of the Customer;
- 4.1.4 Khi Khách hàng là tổ chức tạm ngừng toàn bộ hoạt động kinh doanh;
When the Customer which is an organization temporarily suspends all business activities;
- 4.1.5 Khi có yêu cầu bằng văn bản của cơ quan tiến hành tố tụng, cơ quan công an hoặc cơ quan Nhà nước có thẩm quyền;
At the written request of the civil proceeding authority, the police agency, or a competent State agency;
- Khi có căn cứ tạm dừng Chứng thư chữ ký số công cộng, FPT sẽ tiến hành tạm dừng, đồng thời, thông báo ngay cho Khách hàng và công bố trên cơ sở dữ liệu về Chứng thư chữ ký số công cộng về việc tạm dừng, thời gian bắt đầu và kết thúc việc tạm dừng;
When there is a ground to suspend the Public digital signature certificate, FPT will proceed to suspend, and at the same time, immediately notify the Customer and publish on the database of the Public digital signature certificates of the suspension, the start and end time of the suspension;
- FPT sẽ phục hồi Chứng thư chữ ký số công cộng khi không còn căn cứ để tạm dừng Chứng thư chữ ký số công cộng hoặc thời hạn tạm dừng theo yêu cầu đã hết hoặc theo yêu cầu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.
FPT will reinstate the Public digital signature certificate when there is no longer a ground for suspending the Public digital signature certificate or the requested suspension period has expired or at the competent State agency’s request.

- 4.2 Chứng thư chữ ký số công cộng cấp cho Khách hàng bị thu hồi trong các trường hợp sau:
The Public digital signature certificate issued to the Customer is revoked in the following cases:
- 4.2.1 Khi Khách hàng yêu cầu bằng văn bản và yêu cầu này đã FPT xác minh là chính xác;
When the Customer makes a written request and the request has been verified by FPT to be accurate;
- 4.2.2 Khi Khách hàng là cá nhân đã chết hoặc mất tích theo tuyên bố của tòa án hoặc Khách hàng là tổ chức giải thể hoặc phá sản theo quy định của pháp luật;
When the Customer is an individual dead or missing as declared by a court or the Customer is an organization dissolved or bankrupt in accordance with the law;
- 4.2.3 Khi có yêu cầu bằng văn bản của cơ quan tiến hành tố tụng, cơ quan công an hoặc cơ quan Nhà nước có thẩm quyền;
At the written request of the civil proceeding authority, police agency, or competent State agency;
Khi có căn cứ thu hồi Chứng thư chữ ký số công cộng, FPT sẽ thu hồi Chứng thư chữ ký số công cộng, đồng thời thông báo ngay cho Khách hàng và công bố trên cơ sở dữ liệu về Chứng thư chữ ký số công cộng việc thu hồi.
When there is a ground to revoke the Public digital signature certificate, FPT will revoke the Public digital signature certificate, at the same time, immediately notify the Customer and publish on the database of the Public digital signature certificates of the revocation.
- 4.3 Gia hạn Chứng thư chữ ký số công cộng đã cấp cho Khách hàng
Renewal of the Public digital signature certificates provided to the Customer
- 4.3.1. Trước ngày hết hạn của Chứng thư chữ ký số công cộng, Khách hàng có quyền yêu cầu gia hạn Chứng thư chữ ký số công cộng.
Before expiration date of the Public digital signature certificate, the Customer is entitled to request renewal of the Public digital signature certificate.
- 4.3.2. Khi nhận được yêu cầu gia hạn của Khách hàng, FPT sẽ hoàn thành các thủ tục gia hạn Chứng thư chữ ký số công cộng trước khi hết hiệu lực, bảo đảm Khách hàng được định danh đúng chủ thể và thực hiện xác thực danh tính theo quy định của pháp luật về định danh và xác thực điện tử.
Upon receiving Customer's request for an extension, FPT shall complete renewal procedures of the Public digital signature certificate before it expires, ensuring that the Customer is correctly identified as the subject and perform identity authentication in accordance with the legal provisions on electronic identification and authentication.
- 4.3.3. Trường hợp gia hạn Chứng thư chữ ký số công cộng mà thay đổi khóa công khai, Khách hàng phải có yêu cầu gửi FPT và nêu rõ lý do.
In case renewal of the Public digital signature certificate causes change to the public key, the Customer must send a request to FPT and clearly state the reason.

ĐIỀU 5. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA KHÁCH HÀNG

ARTICLE 5. RIGHTS AND OBLIGATIONS OF THE CUSTOMER

Khách hàng có các quyền và nghĩa vụ sau:

The Customer has rights and obligations below:

- 5.1 Yêu cầu FPT tạm dừng hoặc chấm dứt sử dụng Dịch vụ FPT-CA và tự chịu trách nhiệm về yêu cầu đó. Trong trường hợp này, số tiền cước Dịch vụ FPT-CA đã thanh toán sẽ được coi là khoản bù đắp các khoản thiệt hại của FPT và sẽ không được hoàn trả lại trừ khi chấm dứt do FPT vi phạm Hợp đồng.
If the Customer requests FPT to suspend or terminate its FPT-CA Services usage, the Customer will take responsibility for such requests. In this case, the paid FPT-CA Service fees will be considered as compensation for FPT's damages and will not be refunded unless being terminated because FPT violates the Contract.
- 5.2 Đọc, hiểu, tuân thủ các thủ tục đăng ký, trình tự giao dịch và các quy định, hướng dẫn sử dụng và Điều khoản chung về việc cung cấp và sử dụng Dịch vụ điện tử này trước khi sử dụng Dịch vụ FPT-CA.
Have read, understood and complied with the registration procedures, transaction order, regulations, instructions and this General Terms on the provision and use of the Electronic service before using the FPT-CA Service.
- 5.3 Cung cấp các thông tin, tài liệu phù hợp cho việc sử dụng sản phẩm và Dịch vụ FPT-CA theo yêu cầu một cách trung thực, chính xác cho FPT, đảm bảo về tính chính xác, hợp pháp của các tài liệu, thông tin và tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về thiệt hại xảy ra nếu vi phạm quy định này. Trường hợp có sự thay đổi về một trong các thông tin đã cung cấp, Khách hàng có trách nhiệm lập tức thông báo cho FPT để thực hiện thay đổi nội dung Chứng thư chữ ký số công cộng.
Provide information and documents suitable for the use of products and FPT-CA Service as requested in an honest and accurate manner to FPT, ensure the accuracy, legality of documents and information, and the Customer will take responsibility before the law for damage caused if this provision is violated. In case of any change in any of the information provided, the Customer is responsible for immediately notifying FPT to make changes to the content of the Public digital signature certificate.
- 5.4 Có nghĩa vụ bảo quản và sử dụng khóa bí mật của mình một cách an toàn, bí mật trong suốt thời gian Chứng thư chữ ký số công cộng có hiệu lực và kể cả trong thời gian bị tạm dừng.
Have the obligation to preserve and use their private key securely and confidentially during the validity period of the Public digital signature certificate and even during the suspension period.
- 5.5 Thông báo trong vòng 24 (hai mươi tư) giờ cho FPT yêu cầu tạm dừng/thu hồi khóa bí mật nếu nghi ngờ hay biết rằng khóa bí mật, thiết bị lưu trữ khóa bí mật (nếu có) đã bị mất/lộ hoặc bị sử dụng trái phép.
Notify FPT within 24 (twenty-four) hours to request the suspension/revocation of the private key if it is suspected or known that the private key or its storage device (if any) has been lost/disclosed or used illegally.
- 5.6 Trường hợp tự tạo cặp khóa cho mình, Khách hàng phải bảo đảm thiết bị tạo cặp khóa đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật và tiêu chuẩn bắt buộc áp dụng.
In case the Customer creates the key pair by itself, the Customer must ensure that the device that creates the key pair meets the technical standards and mandatory standards applied.
- 5.7 Trong trường hợp Khách hàng đồng ý để FPT công bố Chứng thư chữ ký số công cộng đã cấp cho Khách hàng trên cơ sở dữ liệu về Chứng thư chữ ký số công cộng hoặc khi Khách hàng đã phát hành Chứng thư chữ ký số công cộng đó cho người khác với mục đích giao dịch, Khách hàng được coi là đã cam kết với người nhận rằng Khách hàng là người nắm giữ hợp pháp khóa bí mật tương ứng với khóa công khai trên Chứng thư chữ ký số công cộng đó và những thông tin trên Chứng thư chữ ký số công cộng liên quan đến Khách hàng là đúng sự thật, đồng thời phải thực hiện các nghĩa vụ xuất phát từ Chứng thư chữ ký số công cộng đó.
In case the Customer agrees to let FPT publish the Public digital signature certificate issued to the Customer on the database of the Public digital signature certificates or when the Customer has issued that Public digital signature certificate to another person for the purpose of transaction, the Customer is deemed to have committed to the recipient that the Customer is the legal holder of the secret key corresponding to the public key on that Public digital signature certificate and that the information on the Public digital signature certificate related to the Customer is accurate, and the Customer must perform obligations arising from that Public digital signature certificate.

- 5.8 Tuân thủ các quy định pháp luật về cung cấp thông tin cho các cơ quan chức năng khi được yêu cầu, chịu trách nhiệm trước pháp luật và FPT về mọi thiệt hại xảy ra nếu sử dụng/quản lý khóa bí mật vi phạm Điều khoản chung về việc cung cấp và sử dụng Dịch vụ điện tử này hoặc quy định pháp luật.
Comply with the legal regulations on providing information to the authorities when being required, and take responsibility before the law and FPT for any damage caused if using/managing the private key in violation of this General Terms on the provision and use of the Electronic service or the legal provisions.
- 5.9 Cam kết tuân thủ các chính sách của FPT liên quan đến việc sử dụng Dịch vụ FPT-CA và vì mục đích đảm bảo chất lượng dịch vụ và an toàn cho thông tin của Khách hàng.
Commit to comply with all FPT's policies related to the use of the FPT-CA Service and for the purpose of assuring the Service's quality and security of the Customer's information.
- 5.10 Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật
Other rights and obligations as provided by law.

ĐIỀU 6. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA FPT

ARTICLE 6. RIGHTS AND OBLIGATIONS OF FPT

- 6.1 Đảm bảo cung cấp Dịch vụ FPT-CA theo quy chuẩn kỹ thuật và đầy đủ các tính năng như đã cam kết, đáp ứng các điều kiện an toàn theo quy định pháp luật.
Ensure to provide FPT-CA Services according to technical regulations and full features as FPT committed, and meeting safety conditions as prescribed by law.
- 6.2 Tạo khóa và phân phối khóa cho Khách hàng:
Key generation and key distribution to the Customer:
- 6.2.1 Khách hàng đề nghị cấp Chứng thư chữ ký số công cộng có thể tự tạo cặp khóa hoặc yêu cầu FPT bằng văn bản tạo cặp khóa cho mình;
The Customers applying for the Public digital signature certificates issuance can generate their own key pairs or request FPT in writing to create its own key pairs;
- 6.2.2 Trường hợp FPT tự tạo cặp khóa, FPT đảm bảo sử dụng các phương thức an toàn để chuyển giao khóa bí mật đến Khách hàng và chỉ được lưu bản sao của khóa bí mật khi Khách hàng đề nghị cấp Chứng thư chữ ký số công cộng có yêu cầu bằng văn bản;
In case FPT generates key pairs, FPT ensures the use of secure methods to transfer the private key to the Customer and only keep a copy of the private key when being requested in writing by the Customer who requests for the Public digital signature certificate;
- 6.2.3 Đảm bảo an toàn trong suốt quá trình tạo và chuyển giao Chứng thư chữ ký số công cộng cho Khách hàng;
Ensure safety during the process of creating and transferring the Public digital signature certificates to the Customer;
- 6.2.4 Sử dụng thiết bị, phần mềm theo đúng tiêu chuẩn quy định để khởi tạo và lưu trữ cặp khóa.
Use equipments and software in accordance with prescribed standards to generate and store key pairs.
- 6.2.5 Trường hợp FPT cung cấp Dịch vụ FPT-CA theo mô hình ký số từ xa, FPT được lưu khóa bí mật của Khách hàng và phải bảo đảm sử dụng các phương thức an toàn để lưu trữ.
In case FPT provides the FPT-CA Service under remote digital signature model, FPT is allowed to store the Customer's secret key and must ensure to use secure methods for storage.
- 6.3 Đảm bảo việc sử dụng Dịch vụ của Khách hàng liên tục, không bị gián đoạn trong suốt thời gian hiệu lực của Chứng thư chữ ký số công cộng và việc kiểm tra trạng thái Chứng thư chữ ký số công cộng của Khách hàng là liên tục.
Ensure that the Customer uses the Service continuously and without interruption during the validity period of the Public digital signature certificate and continuous checking of the Customer's Public digital signature certificate status.
- 6.4 Giải quyết các rủi ro và các khoản đền bù xảy ra cho Khách hàng liên quan đến việc FPT cung cấp Dịch vụ FPT-CA trong trường hợp lỗi được xác định của FPT.
Resolve the risks and compensations that occur to the Customer relating to FPT's FPT-CA Service provision in the event of the error caused by FPT.
- 6.5 Có trách nhiệm bảo mật những thông tin liên quan đến Khách hàng và chỉ sử dụng những thông tin này vào mục đích liên quan đến Dịch vụ, trừ trường hợp các Bên có thỏa thuận khác hoặc theo quy định của pháp luật.
Be responsible for keeping the information related to the Customer confidential and only using this information for the purpose of providing the relevant Services unless otherwise agreed upon by the Parties or required by law.
- 6.6 Đảm bảo an toàn và tính xác thực trong suốt quá trình tạo và chuyển giao Chứng thư chữ ký số công cộng cho Khách hàng. Bảo mật toàn bộ quá trình tạo cặp khóa cho Khách hàng.
Ensure safety and authenticity during the process of creating and transferring the Public digital signature certificates to the Customer. Secure the entire process of creating key pairs for the Customer.
- 6.7 Đảm bảo kênh tiếp nhận thông tin yêu cầu tạm dừng/thu hồi Chứng thư chữ ký số công cộng hoạt động 24 (hai mươi tư) giờ trong ngày, tất cả các ngày trong năm.
Ensure that the channel to receive information about requesting suspension/revocation of the Public digital signature certificates is active 24 (twenty-four) hours a day, all days of the year.
- 6.8 Thông báo ngay cho Khách hàng, đồng thời áp dụng những biện pháp ngăn chặn và khắc phục kịp thời trong trường hợp phát hiện thấy dấu hiệu khóa bí mật đã bị lộ, không còn toàn vẹn hoặc bất cứ sự sai sót nào khác có nguy cơ ảnh hưởng xấu đến quyền lợi của Khách hàng.
Immediately notify the Customer, and apply timely preventive and remedial measures in case of detecting signs that the private key has been exposed, incomplete, or any other errors that threatens to adversely affect the interests of the Customer.
- 6.9 Khuyến cáo cho Khách hàng việc thay đổi cặp khóa khi cần thiết nhằm đảm bảo tính tin cậy và an toàn cao nhất cho cặp khóa.
FPT will recommend to the Customer to change the key pair when necessary to ensure the highest reliability and safety for the key pair.
- 6.10 Khôi phục phương tiện lưu khóa bí mật theo đề nghị của Khách hàng.
Restore the means of storing the secret key upon the Customer's request.
- 6.11 Trường hợp phải tạm dừng cung cấp Chứng thư chữ ký số công cộng mới, trong thời gian tạm dừng, FPT có trách nhiệm duy trì hệ thống cơ sở dữ liệu liên quan đến Chứng thư chữ ký số công cộng đã cấp.
In case the provision of new Public digital signature certificates must be temporarily suspended, during the suspension period, FPT is responsible for maintaining the database system related to the issued Public digital signature certificates.
- 6.12 Trường hợp bị thu hồi giấy phép kinh doanh Dịch vụ FPT-CA, FPT phải thông báo ngay cho Khách hàng về việc ngừng cung cấp Dịch vụ FPT-CA của mình và thông tin về tổ chức tiếp nhận cơ sở dữ liệu của mình để đảm bảo quyền lợi sử dụng Dịch vụ FPT-CA của Khách hàng.
In case of revocation of the FPT-CA Service business license, FPT must immediately notify the Customer of the cessation of its FPT-CA Service provision and information about the organization receiving its database to ensure the Customer's right when using the FPT-CA Service.

ĐIỀU 7. THAY ĐỔI/TẠM DỪNG/CHẤM DỨT SỬ DỤNG DỊCH VỤ

ARTICLE 7: CHANGE/SUSPENSION/TERMINATION OF THE SERVICE

- 7.1 Thay đổi gói Dịch vụ:
Change the Service package:
- 7.1.1 FPT chỉ chấp nhận thay đổi gói Dịch vụ từ thời gian ngắn sang thời gian dài;
FPT only accepts to change Service packages from short time to long time;
- 7.1.2 Giá trị khuyến mại thiết bị Token (nếu có) được quy đổi thành giá trị Dịch vụ tính tại thời điểm quy đổi;
The promotional value of the Token device (if any) is converted into the Service value calculated at the time of redemption;
- 7.1.3 FPT không thu hồi lại Token khi hai Bên đã hoàn tất thủ tục thanh toán và Token đã được bàn giao cho Khách hàng.
FPT does not revoke the Token device when the Parties have completed the payment procedure and the Token device has been handed over to the Customer.
- 7.2 Tạm dừng Dịch vụ: Việc tạm dừng cung cấp Dịch vụ cho Khách hàng xảy ra trong những trường hợp sau:
Service Suspension: Suspension of the Service provision to the Customer occurs in the following cases:
- 7.2.1 Dịch vụ của Khách hàng hết thời hạn hiệu lực mà Khách hàng không đóng phí duy trì Dịch vụ trong thời hạn nêu tại Điểm 7.2.4 Khoản này;
The Customer's Service has expired but the Customer does not pay the Service maintenance fee within the time limit as specified at Point 7.2.4 of this Clause;
- 7.2.2 Theo yêu cầu của Khách hàng hoặc của cơ quan chức năng có thẩm quyền;
At the request of the Customer or the competent authority;
- 7.2.3 Khi phát hiện các sai sót trong hệ thống cung cấp dịch vụ có thể làm ảnh hưởng đến quyền lợi của Khách hàng;
When detecting errors in the service delivery system that may affect the interests of the Customer;
- 7.2.4 Quá thời hạn thanh toán quy định tại Điều 4.1 (30 (ba mươi) ngày kể từ ngày FPT khởi tạo Dịch vụ) mà Khách hàng chưa thanh toán đầy đủ, FPT có quyền tạm dừng cung cấp Dịch vụ cho đến khi Khách hàng thanh toán đầy đủ.
Upon expiry of the payment term specified in Article 4.1 (30 (thirty) days from the date FPT initiates the Service) without full payment having been made by the Customer, FPT shall be entitled to suspend provision of the Service until such time as the Customer has made payment in full.
Khi có căn cứ tạm dừng Dịch vụ, FPT sẽ tiến hành tạm dừng, đồng thời ngay lập tức thông báo cho Khách hàng về thời hạn của việc tạm dừng. FPT sẽ không chịu bất kỳ trách nhiệm gì về các thiệt hại của Khách hàng khi tạm dừng Dịch vụ trong các trường hợp quy định tại Điểm 7.2.1, 7.2.2 và 7.2.4 của Khoản này.
Chứng thư chữ ký số công cộng của Khách hàng sẽ được khôi phục lại khi các căn cứ để tạm dừng kết thúc, hoặc thời hạn tạm dừng theo yêu cầu của Khách hàng đã hết.
When there is a ground to suspend the Service, FPT will proceed the suspension and immediately notify the Customer the duration of the suspension. FPT will not be responsible for any damages incurred by the Customer when the Service is suspended in cases provided in Point 7.2.1, 7.2.2 and 7.2.4 of this Clause.
The Customer's Public digital signature certificate will be restored when the grounds for suspension end, or the suspension period requested by the Customer has expired.
- 7.3 Chấm dứt sử dụng Dịch vụ và thanh lý Hợp đồng: Hợp đồng được chấm dứt trong các trường hợp sau:
Termination of use of the Service and liquidation of the Contract: The Contract is terminated in the following cases:
- 7.3.1 Dịch vụ của Khách hàng hết thời hạn hiệu lực mà Khách hàng không đóng phí duy trì Dịch vụ trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày hết hạn hiệu lực;
The Customer's Service expires but the Customer fails to pay the Service maintenance fee within 15 (fifteen) days from the expiration date;
- 7.3.2 Trừ trường hợp trong Hợp đồng có quy định cụ thể khác, một trong hai Bên vi phạm nghĩa vụ của Hợp đồng và không khắc phục trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày nhận được thông báo vi phạm của Bên kia, Bên bị vi phạm có quyền chấm dứt Hợp đồng;
Unless otherwise specified in the Contract, if either Party breaches its obligations under the Contract and fails to remedy it within 30 (thirty) days from the day of receiving the notice of breach by the other Party, the aggrieved Party may have the right to terminate the Contract;
- 7.3.3 Theo yêu cầu của một trong các Bên của Hợp đồng hoặc yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;
At the request of either Parties or at the request of a competent state agency;

ĐIỀU 8. RỦI RO VÀ MIỄN TRỪ TRÁCH NHIỆM

ARTICLE 8. RISKS AND DISCLAIMER

- 8.1 FPT cam kết cung cấp Dịch vụ tốt nhất và cố gắng giảm thiểu các rủi ro có thể gặp phải về kỹ thuật cho Khách hàng. FPT không chịu trách nhiệm về những rủi ro, thiệt hại của Khách hàng khi Khách hàng sử dụng Dịch vụ thuộc một trong những trường hợp sau:
FPT commits to providing the best Services and trying to minimize the possible technical risks for the Customer. FPT is not responsible for the risks and damages of the Customer while the Customer uses the Services in one of the following cases:
- 8.1.1 Khách hàng vi phạm các nghĩa vụ quy định tại bản Điều khoản chung về việc cung cấp và sử dụng Dịch vụ điện tử này;
The Customer violates the obligations set forth in this General Terms on Provision and use of Electronic service;
- 8.1.2 Lỗi hệ thống phần cứng, phần mềm không hoạt động hoặc hoạt động không đúng chức năng thiết kế do các yếu tố bất khả kháng gây ra như lũ lụt, hỏa hoạn, thiên tai, chập điện, hư hỏng tự nhiên, ...;
System errors of the hardware or software which are not working or not functioning properly due to force majeure factors such as floods, fires, natural disasters, electric shocks, and natural damage, ...;
- 8.1.3 Nguy cơ ngưng trệ hoạt động của hệ thống mạng do lỗi đường truyền Internet, ... của nhà cung cấp dịch vụ gặp sự cố kỹ thuật hoặc quá tải.
The risk of downtime of the network system due to the Internet connection errors, ... of service providers having technical problems or overloading.
- 8.2 Không Bên nào phải bồi thường cho Bên còn lại đối với các các thiệt hại gián tiếp hoặc mang tính hệ quả (bao gồm, nhưng không giới hạn, thiệt hại gây ra do thất thoát về lợi nhuận, doanh thu hoặc do gián đoạn kinh doanh) phát sinh liên quan đến Hợp đồng, dù trách nhiệm này phát sinh trong Hợp đồng, ngoài Hợp đồng, hoặc căn cứ trên học thuyết pháp lý khác, ngay cả khi Bên chịu thiệt hại biết trước khả năng thiệt hại có thể xảy ra hoặc thiệt hại có thể được lường trước một cách hợp lý.
Neither Party shall indemnify the other Party for indirect or consequential damages (including, but not limited to, damage caused by loss of profits, revenue, or business interruption) arising in relation to the Contract, whether such liability arises under the Contract, out of the Contract, or on the basis of other legal doctrine, even if the aggrieved Party knew in advance the possibility of damages or damage could be reasonably foreseeable.

ĐIỀU 9. BẢO HÀNH THIẾT BỊ USB TOKEN

ARTICLE 9. WARRANTY OF USB TOKEN DEVICES

- 9.1 Thiết bị USB Token FPT.CA được bảo hành trong toàn bộ thời gian sử dụng Dịch vụ.
FPT.CA USB Token device is warranted for the entire Service period.